TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Duy Hiếu;

2. Bà Lưu Thị Mỹ Linh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa*:** ông Chau Pho Ly– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 17 ấp TB, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Đinh R, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 17 ấp TB, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Thúy trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đinh R tự tìm hiểu nhau , có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện TT, tỉnh An Giang ngày 07/8/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm công nhân ở huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, trong quá trình chung sống do anh R thường xuyên nhật nhẹt,

ghen tuông, nhiều lần đánh đập nên bà T đã thuê nhà trọ ở riêng từ tháng 5/2022 đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, chung sống không có hạnh phúc nên bà Võ T yêu cầu được ly hôn với anh Đinh R.

Về con chung: Đinh Ch, sinh ngày 25/12/2000 (đã trưởng thành); Đinh Nh, sinh ngày 09/3/2003 (đã trưởng thành) và Đinh S, sinh ngày 23/8/2005; Tôi yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết;

Nợ chung: không có.

Lời khai của cháu Đinh S: Cháu sinh năm 2005 đã nghĩ học vì theo mẹ đi làm ăn xa, Nay cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống với mẹ tên Võ T.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đinh R đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn vắng mặt, không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tại ấp TB, xã T, huyện TT.

Kết quả xác minh thể hiện: *Ông Đinh R, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 17 ấp TB, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang. Hiện nay ông R đi làm xa, thỉnh thoảng có về địa phương trong các dịp lễ, tết. Trong cuộc sống hàng ngày, ông R thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần say thường hăm dọa, đánh đập bà T.*

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tống đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ hạn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ T và ông Đinh R có đăng ký kết hôn theo

quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà T và ông R thường xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải hai lần nhưng ông R vắng mặt, chứng tỏ ông R không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ T đối với ông Đinh R.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Đinh Ch, sinh ngày 25/12/2000 (đã trưởng thành); Đinh Nh, sinh ngày 09/3/2003 (đã trưởng thành) và Đinh S, sinh ngày 23/8/2005. Xét thấy, cháu Đinh S có nguyện vọng được sống với bà T nên giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: do bà T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, ông Đinh R vắng mặt. Nguyên đơn bà Võ T có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đinh R đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông Đinh R.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đinh R có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TB, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện TT nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc,giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 đến nay vàbị đơn đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về các phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham dự, cho thấybị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Mặt khác theo biên bản xác minh ngày 05/9/2022 tại ấp TB, xã T xác định: "*Trong cuộc sống hàng ngày, ông R thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần say thường hăm dọa, đánh đập bà T"*, chứng tỏ rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Đinh Ch, sinh ngày 25/12/2000 (đã trưởng thành); Đinh Nh, sinh ngày 09/3/2003 (đã trưởng thành) và Đinh S, sinh ngày 23/8/2005. Xét thấy, cháu Đinh S có nguyện vọng được sống với bà T nên giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: do bà T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí: Bà Võ T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đinh R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ T đối với ông Đinh R. Bà Võ T được ly hôn với ông Đinh R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2012, quyển số 01/2012 ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện TT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đinh S, sinh ngày 23/8/2005 cho bà Võ T nuôi dưỡng. Ông Đinh R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Võ T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông R thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0008497 ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Võ T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã T;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu